TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-8-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh

2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 101/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Thùy D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà A, ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2016, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống giữa chị D và mẹ chồng có nhiều mâu thuẫn do mẹ chồng quá khó khăn, chị D yêu cầu anh H đi Bình Dương sinh sống nhưng anh H không đồng ý. Đầu tháng 7/2017 chị D ẵm con về nhà cha mẹ ruột sống. Anh H nhiều lần

đến nhà cha mẹ ruột của chị D năn nỉ chị D về nhà chung sống nhưng chị cương quyết không đồng ý nên giữa anh chị xảy ra cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Ngày 04/11/2017, anh H đến thăm con và bắt con cho đến nay không cho chị gặp mặt. Chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 29/7/2016. Hiện nay cháu H1 do anh H đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con. Chị D hiện đang làm nghề vá lưới, có thu nhập ổn định khoảng 6.000.000đ/tháng, có khả năng nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại biên bản hòa giải ngày 18/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thông nhất với chị D về thời gian và điều kiện kết hôn, anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống chung với cha mẹ ruột của anh, giữa chị D và mẹ ruột của anh có nhiều mâu thuẫn, anh H đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn giữa mẹ và vợ nhưng không thành. Khoảng tháng 7/2017, chị D ẵm con về nhà mẹ vợ ở Kiên Giang, anh và cha mẹ ruột có đến nhà cha mẹ vợ để nói chuyện hàn gắn cho vợ chồng anh chị nhưng không thành. Anh H vẫn còn thương chị D nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị D không thể chung sống với cha mẹ chồng thì vợ chồng anh chị có thể đi làm ăn ở Bình Dương theo ý kiến trước đây của chị D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 29/7/2016. Hiện nay cháu H1 do anh H đang nuôi dưỡng, nếu phải ly hôn anh H yêu cầu được nuôi con. Anh H thuê tại xưởng gỗ có thu nhập ổn định từ 6.000.000đ/tháng đến 7.000.000đ/tháng, ngoài ra anh còn làm việc bán thời gian khác nên có thu nhập thêm, có khả năng nuôi con, anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị D cho rằng cha mẹ chồng và anh H không đến nhà chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị và anh H mà mục đích chính là bắt cháu H1.

- Bị đơn vắng mặt và không có ý kiến bổ sung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thùy D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang và đồng ý Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giải quyết vụ án của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị D và anh H đều trình bày, anh chị có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy đăng ký kết hôn số 48 ngày 24/8/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị D và anh H được đoàn tụ, nhưng chị D đếu cương quyết ly hôn, ngoài ra trong quá trình ly thân anh chị đã nhiều lần được cha mẹ hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải được xây dựng dựa trên cơ sở tình cảm của cả hai vợ chồng thì đời sống hôn nhân mới thật sự hạnh phúc, trong khi đó chị D cương quyết ly hôn và xác định không còn tình cảm với anh H. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

2.2 Về con chung: Chị D và anh H đều trình bày anh chị có một con chung tên Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 29/7/2016. Hiện nay cháu H1 đang sống với anh H đang được anh H nuôi dưỡng, tuy nhiên cháu H1 dưới 36 tháng tuổi, chị D yêu cầu được nuôi con và chứng minh được chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị D và anh H phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh H đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy D.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn H giao con chung tên Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 29/7/2016 cho chị Lê Thị Thùy D nuôi dưỡng. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003120 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thùy D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/8/2018). Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao